

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 240/2019/DS-PT.

Ngày: 31/7/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng QSDĐ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- *Các Thẩm phán:* Ông Đinh Chí Tâm
Ông Bùi Văn Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/5; 04/6; 18 và 31/7/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLPT-DS ngày 09/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân Hồng Ngự bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1945.

Địa chỉ: ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Lê Phi Tùng – Văn phòng luật sư Chí Tâm – thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Văn V, sinh năm 1949.

3.2. Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1951.

3.3. Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1977.

3.4. Cháu Lê Thị Thùy D, sinh năm: 2004.

Cùng địa chỉ: ấp Phú Hòa B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Bạch Yến và đại diện hợp pháp của cháu Lê Thị Thùy D là: Chị Phan Thị Hồng T, (theo văn bản ủy quyền ngày 22-3-2018).

3.5. Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: ấp Thượng 1, xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Nguyễn Văn Khoi, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự kháng nghị theo Quyết định Kháng nghị số 395/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/10/2018.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lý Ngọc Bình trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà ngoại bà T cho mẹ bà T, và mẹ bà T cho người khác thuê, khi mẹ bà T chết thì người thuê không trả đất, nên em bà T là ông Lê Văn Kiệt mới bỏ ra hơn 01 tấn lúa chuộc đất lại sau đó cho lại bà T, bằng hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30-5-2005. Ngày 28/02/2011, Lê Văn P là cháu ruột kêu bà T bằng Cô và sống chung với bà T từ nhỏ, có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay vốn Ngân hàng để nuôi cá lóc, lúc đó P đưa bà T đến Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A, gặp anh Hùng (cán bộ địa chính xã) rồi đưa cho bà T ký vào 01 góc giấy, tổng cộng 03 chữ ký, chứ không đưa bà T đọc là giấy gì, vì tin tưởng cháu nên bà T ký. Bà T cũng không hay biết gì việc P làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho đến năm 2016 bà T mới nói với P là bà T muốn bán 01 công đất lấy tiền tiêu xài thì P nói: "bà còn cục đất nào mà đòi bán, đất bà sang nhượng cho tôi hết rồi". Lúc này bà T mới biết chuyện P đã đi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và P lấy đất làm luôn từ đó. Nay bà T yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2011 và yêu cầu anh P trả lại cho bà diện tích đất 5.328,6m² (theo đo đạc thực tế), tại thửa 122, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì số đất này bà T không bán cho anh P và trong vụ án này bà T thống nhất giá đất theo thị trường tại thời điểm hiện tại là 55.000đ/m². Đối với thửa đất 679, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.193m² cũng trong hợp đồng chuyển nhượng nêu trên thì bà T không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

- Bị đơn anh Lê Văn P trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Lê Văn Kiệt, em ruột bà T cho bà T, và bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/5/2005. Anh P là cháu ruột kêu bà T bằng Cô, và anh P sống chung với bà T từ nhỏ trong căn nhà của ông bà nội anh P để lại cho bà T sử dụng và quản lý, khi anh P trưởng thành thì có vợ và con cũng cùng sống chung. Khi bà T có ý định chuyển nhượng phần đất trên thì bà T có kêu anh P bán (khi này chỉ có hai cô cháu), cuối cùng hai cô cháu bàn bạc thống nhất là bà T bán cho anh P hết phần đất

ruộng với số tiền 273.000.000 đồng, đến sáng ngày 28/02/2011 anh P trả tiền đủ cho bà T (việc thỏa thuận và trả tiền không có làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến), sau đó anh P chở bà T đến Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A làm thủ tục chuyển nhượng, do anh Hùng (Cán bộ địa chính xã) trực tiếp làm, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận A, đến ngày 30-3-2011 anh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và anh P canh tác đất cho đến nay. Đến năm 2016 do anh P với bà T có mâu thuẫn nên bà T đến nhà bà Lê Thị Nãi ở. Do đó anh P không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc hủy hợp đồng và trả đất, vì phần đất trên anh P đã mua và trả tiền đầy đủ cho bà T rồi. Trong vụ án này anh P thống nhất giá đất theo thị trường tại thời điểm hiện tại là 55.000 đồng/m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Hồng T – và là người đại diện hợp pháp cho Lê Thị Thùy Dương, cũng là người đại diện theo ủy quyền của Lê Văn V, Nguyễn Thị Bạch Y trình bày: Chị T là vợ của anh Lê Văn P, được cha mẹ hai bên cưới vào năm 2004. Sau khi cưới về ở chung nhà với bà Lê Thị T, đến năm 2016 thì bà T ra đi vì bà T bị em bà T là ông Lê Văn Kiệt xúi giục, kêu bà T ra đi để ông Kiệt cung cấp tiền cho bà T sống, từ đó gia đình mới có mâu thuẫn. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh P trả lại đất, chị không đồng ý vì đất đó vợ chồng chị T đã mua lại từ bà T rồi. Lúc mua đất của bà T, vợ chồng chị T có bàn bạc trước nhưng lúc đưa tiền cho bà T thì chị T không có mặt chứng kiến, sau đó mới nghe anh P nói lại là đã trả đủ tiền cho bà T và đã ra Ủy ban làm hợp đồng chuyển nhượng. Nhưng không biết vì lý do gì mà nay bà T lại khởi kiện yêu cầu anh P trả lại đất, chị T không thống nhất và chị T thống nhất theo ý kiến của anh P về giá đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự: có đơn xin vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 04/10/2018, Tòa án nhân dân Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 08/CN ngày 28-02-2011 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.328,6m²(đo đạc thực tế), mục đích sử dụng: trồng lúa nước, tọa lạc ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, giữa bà Lê Thị T với anh Lê Văn P; và yêu cầu anh Lê Văn P trả diện tích đất trên cho bà Lê Thị T.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị T phải chịu số tiền là: 4.704.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng bà T đã nộp là: 4.704.000 đồng tại hóa đơn thu số: 0088050 ngày 01-02-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự. Vậy bà Lê Thị T nộp xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc người cao tuổi.

- Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 15/10/2018, bà Lê Thị T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2011 và yêu cầu anh P trả lại cho bà diện tích đất 5.328,6m² (theo đo đạc thực tế), tại thửa 122, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 18/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự kháng nghị một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất thuộc thửa đất 122, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế 5.328,6m² và thửa 679, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.193m² cùng tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp mà hiện nay do anh Lê Văn P đứng tên quyền sử dụng thì trước đây là của bà Lê Thị T và bà T được cấp quyền sử dụng đất ngày 30/5/2005. Anh P là cháu ruột của bà T và sống chung với bà T từ nhỏ, đến khi trưởng thành và có vợ thì vợ chồng anh P vẫn sống chung và cùng canh tác phần đất này với bà T.

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2011 thì có nội dung bà T đã chuyển nhượng cho anh P toàn bộ 02 thửa đất nói trên với giá 273.000.000 đồng và đến ngày 30/3/2011 thì anh P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh P cho rằng bà T có nhu cầu chuyển nhượng phần đất này và sau khi bàn bạc với anh thì anh đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ phần đất này với giá 273.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng nói trên; anh cũng đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho bà T và nhận đất sử dụng cho đến nay. Nên nay bà T yêu cầu hủy một phần hợp đồng đối với thửa đất 122, diện tích 5.328,6m² và yêu cầu anh phải giao trả lại cho bà thì anh không đồng ý.

Bà T thì cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là giả tạo, thậm chí anh P đã gian dối đối với bà để ký vào hợp đồng chuyển nhượng

đất đó, vì thực tế bà chỉ thông nhất với anh P là sang tên cho anh P để anh P trực tiếp làm thủ tục vay tiền ngân hàng để nuôi cá nhưng sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất thì anh P cho rằng bà đã chuyển nhượng thật toàn bộ phần đất này cho anh, hợp đồng đã xong và bà không còn quyền gì đối với toàn bộ phần đất này nên bà T phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, mối quan hệ giữa bà T với anh P là cô cháu; bà T không có chồng con, anh P sống với bà T từ nhỏ đến nay; giữa bà T với anh P cũng như sau này là với cả vợ chồng anh P cũng không có ai có kinh tế độc lập nên được xác định đó là một gia đình và cùng canh tác phần đất nói trên để sinh sống. Do đó, việc anh P cho rằng bà T chuyển nhượng phần đất này để sử dụng số tiền chuyển nhượng đó vào mục đích cá nhân của bà T, trong khi tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng thì bà T vẫn sống chung, sinh hoạt chung và kinh tế chung với vợ chồng anh P, là chưa phù hợp.

Mặt khác, mặc dù bà T thừa nhận chữ ký của bà trên hợp đồng chuyển nhượng nhưng cho rằng bà mục đích là để làm thủ tục cho anh P vay tiền ngân hàng tạo vốn nuôi cá lóc, chữ ý chí của bà và cũng như bàn bạc, thỏa thuận giữa bà với anh P là không có chuyển nhượng; mặc dù lời khai này của bà T không giấy tờ gì chứng minh nhưng phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng như: anh Trần Văn Hùng, là cán bộ địa chính trực tiếp tiếp xúc và lập hợp đồng chuyển nhượng này xác định rằng trước khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì anh P và bà T nhờ anh làm thủ tục để anh P thế chấp phần đất này vay tiền ngân hàng để nuôi cá và làm cho sao cho đơn giản nhất; sau đó anh Hùng hướng dẫn hai bên làm thủ tục chuyển nhượng. Ngoài ra, anh Hùng còn xác định đối với số tiền chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 273.000.000 đồng là xuất phát từ việc bà T và anh P nhờ anh tính dùm sao cho hợp lý và anh đã tính toán giá đất theo quy định thì ra số tiền đó, điều này cũng chứng tỏ việc chuyển nhượng là không có thật và lời trình bày của anh P cho rằng giá chuyển nhượng 273.000.000 đồng này trước đó đã được hai bên thống nhất ở nhà và khi anh Hùng tính ra số tiền trên là trùng khớp, nên anh đồng ý ghi vào hợp đồng với giá chuyển nhượng như trên, là không có cơ sở, đồng thời việc anh P cho rằng anh cũng đã giao đủ số tiền chuyển nhượng này cho bà T là không có căn cứ vì không có gì để chứng minh. Người làm chứng Lê Thị Mười thì khai trong thời gian bà T phát sinh tranh chấp với anh P thì có lần anh P đến nhờ bà đi nói với bà T giúp anh P, rằng anh P sẽ không nói ngược với bà T (tức vẫn xem việc chuyển nhượng đó chỉ là hình thức và giả tạo để anh P đi vay tiền ngân hàng) và nếu bà T muốn bán đất thì anh P sẽ mua theo giá thị trường nhưng tạm thời sẽ trả dần.

Như vậy đã có đủ căn cứ xác định lời trình bày của bà T cũng như đại diện hợp pháp của bà T là có cơ sở; xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với anh P đối với hai thửa đất 122, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế 5.328,6m² và thửa 679, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.193m² cùng tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là giao dịch giả tạo, nên vô hiệu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu bà T yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng này đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 05 và buộc anh P, chị Phan Thị Hồng T, ông Lê Văn V, bà

Nguyễn Thị Bạch Y và Nguyễn Thị Thùy D là người cùng quản lý, sử dụng phần đất này phải có nghĩa vụ giao trả lại diện tích đất này là có căn cứ, còn đối với thửa đất 679, tờ bản đồ số 01 thì bà T không có yêu cầu là sự tự nguyện và định đoạt của bà T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2] Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày cho rằng phần đất tranh chấp trước khi anh P đứng tên là thuộc quyền sử dụng đất của bà T do vợ chồng anh P cùng sống chung với bà T nên bà T tin tưởng và đồng ý cho vợ chồng anh P thế chấp phần đất này để vay tiền nuôi cá nhưng do nhận thức của bà T kém nên bà đã có ký vào hợp đồng chuyển nhượng là trái với ý chí của bà, do đó hợp đồng này là vô hiệu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng này theo yêu cầu của bà T. Xét thấy là có căn cứ như nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên chấp nhận.

Đối với phần diện tích đất giữa bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Dung và ông Võ Thành Tâm thì các bên không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với anh P đối với thửa đất 122, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế 5.328,6m² và buộc anh P, chị T, ông V, bà Yến, chị Thùy D phải trả diện tích đất trên cho bà T sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng nghị và đề nghị trên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại cho phù hợp, theo đó, do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên anh P, chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà T không phải chịu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 124, 166 500 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T.
- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự.
- Sửa bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST, ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.
- + Tuyên bố một phần của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2011 giữa bà Lê Thị T với anh Lê Văn P đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 05, diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5,644 m², diện tích đo đạc thực tế là 5.328,6m² tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là giao dịch dân sự vô hiệu.
- + Buộc buộc anh Lê Văn P, chị Phan Thị Hồng T, ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Bạch Y và Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới giao trả lại cho bà Lê Thị T diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.328,6m², thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M8-M9-M2-M3-M4-M7-M8 theo biên bản xem xét thẩm định ngày 24/6/2019 và Mảnh trích đo địa chính số 01-2019 ngày 24/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự.
- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự thu hồi quyền sử dụng diện tích theo giấy chứng nhận là 5,644 m², diện tích thực tế là 5.328,6 m² thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự do hộ anh Lê Văn P đứng tên đề cấp lại cho bà Lê Thị T.
- Bà Lê Thị T được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được giao nói trên theo quy định của pháp luật.
- Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn P và chị Phan Thị Hồng T phải liên đới chịu 300.000 đồng.
- Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải chịu (bà T cũng đã được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm).
- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Lê Văn P và chị Phan Thị Hồng T phải chịu và nộp tổng cộng là 4.704.000 đồng (nộp để trả lại cho bà Lê Thị T do T đã tạm ứng trước và đã chi xong).
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy